TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 369/2023/HC-PT
Ngày 29/9/2023
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Thái
Các Thẩm phán: Ông Trương Minh Tuấn
Ông Đinh Phước Hòa

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Ánh - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2023/TLPT-HC ngày 12 tháng 6 năm 2023 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai",* do Bản án hành chính sơ thẩm số 124/2022/HC-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3130/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3130/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 9 năm 2023; các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Huỳnh P, sinh năm 1989 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1989. Địa chỉ: đường Q, khối B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1997. Địa chỉ: Đường T, thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Lê Thanh L1, sinh năm 1984. Địa chỉ: Đường T, thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Cùng địa chỉ: K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn T – Phó Chủ tịch. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Lê Văn T1 - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Ông Nguyễn Phước N - Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.
- Ông Bùi Thế K - Phó giám đốc Trung tâm B1 thuộc Công ty Cổ phần Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh M, sinh năm 1968; Có mặt.
2. Bà Trần Thị C, sinh năm 1967; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Đường Q, khối B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M*, bà* C*:* Bà Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1997. Địa chỉ: Đường T, thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; Có mặt.

Người kháng cáo: Ông Huỳnh P và bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện của ông Huỳnh P *và bà* Nguyễn Thị L *là bà* Nguyễn Thị Bích D *trình bày:*

Ông Huỳnh P là con trai ông Huỳnh M và bà Trần Thị C, ông P có vợ là bà Nguyễn Thị L. Vào năm 1994 ông Huỳnh M và bà Trần Thị C chung với ông Trần Văn M1, bà Bùi Thị Tuyết S và ông Nguyễn Văn B mua đấu giá của Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) huyện N, tỉnh Quảng Nam một lô đất có diện tích hơn 3,7 hecta hồ nuôi của Trạm dịch vụ nuôi trồng thuỷ sản huyện N, tọa lạc tại khối B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Sau mua, phần đất gia đình ông M được chia quản lý gồm 588m^2 để làm nhà ở và kinh doanh và hơn 4000m^2 đất nuôi trồng thuỷ sản. Quá trình sử dụng đất ông có nộp thuế đầy đủ và đã kê khai theo hồ sơ 64/CP tại thửa đất số 14, tờ bản đồ 4, diện tích 230,2m^2 loại đất T, mục đích sử dụng dụng là đất ở và vườn. Năm 2000, ông M và bà C xây thêm ngôi nhà có diện tích là 110m^2 rồi tặng cho vợ chồng ông P vào năm 2012. Đến năm 2013, do nhà cửa xuống cấp nên vợ chồng ông P đã bỏ tiền ra tu bổ, sửa chữa và sinh sống ổn định từ đó cho đến nay.

Tháng 7/2021, thực hiện dự án xây dựng công trình Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C. UBND huyện N, thu hồi toàn bộ phần đất mà gia đình ông Huỳnh M đang sử dụng là 418,5m^2 đất trong đó có 200m^2 đất ở và 218,5m^2 đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 16, thuộc mảnh chỉnh lý bản trích lục bản đồ địa chính số 04-2020 được Sở Tài nguyên và Môi trưởng tỉnh Quảng Nam phê duyệt ngày 21/5/2020, nên nhà của vợ chồng ông M, bà C cũng như ngôi nhà mà vợ chồng ông P đang sinh sống cũng bị giải toả.

Tại thời điểm thu hồi toàn bộ thửa đất, gia đình ông Huỳnh M có 03 cặp vợ chồng sinh sống trên thửa đất này gồm: Vợ chồng ông Huỳnh M và hai cặp vợ chồng các con Một là ông Huỳnh P và bà Huỳnh Thị Kim T2 tất cả đều có hộ

khẩu thường trú tại khối B, thị trấn N đang sinh sống trên thửa đất ở bị thu hồi và chưa có nhà ở, đất ở nào khác tại thị trấn N.

Khi UBND huyện N, thực hiện việc bồi thường và tái định cư cho gia đình ông Huỳnh M, UBND huyện N chỉ bố trị cho 03 lô đất tái định cư gồm lô số A10-37 cho ông Huỳnh M và bà Trần Thị C (theo Quyết định số 15857/QĐ-UBND ngày 03/8/2021); bố trí lô đất tái định cư số A10-51B cho ông Huỳnh P (theo Quyết định số 15860/QĐ-UBND ngày 03/8/2021) và bố trí lô đất tái định cư số A10-51C cho bà Huỳnh Thị Kim T2 (theo Quyết định số 15859/QĐ-UBND ngày 03/8/2021).

Tháng 9/2021, ông Huỳnh P và bà Nguyễn Thị L nhận được Quyết định số 15860/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND huyện N về việc "*Bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho ông* Huỳnh P *và bà* Nguyễn Thị L *để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Đường trục chính từ* Khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C (đoạn qua địa bàn thị trấn N). Theo Quyết định trên thì vợ chồng ông P được bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền là 24.100.000 đồng, bao gồm:

- Hỗ trợ tiền thuê nhà: 9.600.000 đồng.
- Hỗ trợ ổn định đời sống: 13.500.000 đồng.
- Hỗ trợ chi phi thủ tục tại nơi ở mới: 1.000.000 đồng.
- Về tái định cư thì gia đình ông P được bố trí lô đất tái định cư số A, khu tái định cư T II (*giai đoạn* 1) tại thị trấn N với diện tích 125m^2 (5m x 25m) và phải nộp tiền khi nhận đất ở tái định cư và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 905.000.000 đồng.

Ngoài ra, UBND huyện N không bồi thường về nhà và vật kiến trúc, không hỗ trợ khoản nào khác cho vợ chồng ông P.

Không đồng ý với nội dung của Quyết định số 15860/QĐ-UBND, nên vợ chồng ông P làm đơn khiếu nại Quyết định 15860/QĐ-UBND của UBND huyện N yêu cầu UBND huyện N bồi thường về nhà ở, công trình, vật kiến trúc với tỷ lệ 100% theo giá thị trường, bồi thường chi phí di chuyển tài sản, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và xem xét lại giá hỗ trợ tiền thuê nhà, hỗ trợ ổn định đời sống và hỗ trợ chi phí thủ tục tại nơi ở mới và không phải nộp 905.000.000 đồng tiền sử dụng đất tái định cư cho lô đất tái định cư số A10-51B. Đến ngày 30/12/2021, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 22032/QĐ-UBND với nội dung:*"Không công nhận nôi dung khiếu nại của bà* Nguyễn Thị L *khiếu nại đối với Quyết định số 15860/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của* UBND huyện N *giữ nguyên Quyết định số 15860/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của* UBND huyện N*"*. Nên ngày 14/01/2022, ông Huỳnh P và bà Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xem xét, giải quyết:

- Hủy Quyết định số 15860/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho ông Huỳnh P và bà Nguyễn Thị L để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C (đoạn qua địa bàn thị trấn N) đợt 36 tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- Huỷ Quyết định số 22032/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L, trú tại khối B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- Buộc UBND huyện N ban hành lại quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho gia đình ông Huỳnh P, bà Nguyễn Thị L theo đúng quy định của pháp luật trong đó phải có thêm các khoản sau:

- Hỗ trợ đối với gia đình chính sách số tiền là 4.000.000 đồng.

- Khen thưởng chấp hành chủ trương ban giao mặt bằng 10.000.000 đồng.

- Bồi thường chi phí di chuyển tài sản là 3.500.000 đồng.

- Hỗ trợ chênh lệch tiền sử dụng đất tại khu tái định cư 6.250.000 đồng.

- Bồi thường về nhà và vật kiến trúc.

Ông Lê Thanh L1 *thống nhất theo trình bày của bà* D.

Quá trình đối thoại và tại phiên toà người bị kiện UBND huyện N; Chủ tịch UBND huyện N và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện:

Ủy ban nhân dân huyện N cho rằng các quyết định bồi thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân huyện N và quyết định giải quyết khiếu nại của của Chủ tịch UBND huyện N đối với ông Huỳnh P, bà Nguyễn Thị L là đúng trình tự thủ tục và đúng qui định của pháp luật. Bởi lẽ:

+ Về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất của hộ ông Huỳnh M *(cha của ông* Huỳnh P *và bà* Nguyễn Thị L*):*

Hộ ông Huỳnh M đang sử dụng thừa đất số 16, tờ bản đồ số 04-2020, diện tích 418,5m^2 có nguồn gốc là mua đấu giá năm 1994, thời điểm sử dụng đất sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/07/2004.

Theo hồ sơ 60/CP lập trên địa bàn thị trấn N được Giám đốc Sở Địa chính tỉnh Quảng Nam phê duyệt ngày 23/8/2001 thì ông Huỳnh Văn M2 (Huỳnh M2) có tên trong Sổ Địa chính tại quyển số 4, tờ 54, thửa đất số 14, tờ bản đồ số 4, diện tích 230,2m^2, loại đất T, mục đích sử dụng là đất ở + vườn.

+Về quá trình xử lý vi phạm hành chính đối với ông Huỳnh M2*:* Ngày 07/10/2013, UBND thị trấn N vi phạm hành chính số 88/BB-VPHC về lĩnh vực đất đai đối với ông Huỳnh M2. Ngày 08/10/2013, Chủ tịch UBND thị trấn N đã ban hành Quyết định số 13/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Huỳnh M2 do đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính sử dụng đất không đúng mục đích tại thửa đất số 14, 15, tờ bản đồ số 04, thuộc khối B, thị trấn N để xây dựng quán kinh doanh ăn uống, diện tích vi phạm 180,4m^2; kết cấu móng gạch cao 1m, tường xây gạch cao 03m; vị trí vi phạm cách tim đường Q 13,3m, được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; theo đó hình thức xử phạt là 350.000 đồng; các biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại phần diện tích sử dụng không đúng mục đích theo nguyên trạng ban đầu tại thửa đất số 14, 15, tờ bản đồ số 04; ông Huỳnh M2 đã nộp tiền phạt vào ngày 10/10/2013. Ngày 09/10/2013, ông Huỳnh M2 có viết bản cam kết gửi UBND thị trấn N liên quan đến hành vi vi phạm hành chính của mình, cụ thể như sau: "*Vào ngày 09/10/2013 tôi có xây dựng quán để kinh doanh ăn uống nhưng chưa xin phép chính quyền địa phương. Cơ quan địa*

phương đã lập biên bản và đã xử phạt, bản thân tôi đã chấp hành quy định nhà nước và đã nộp phạt. Vậy tôi viết bản cam kết này để xin cơ quan địa phương cho phép tôi được tồn tại và làm ăn để lo cho 3 đứa con đang là sinh viên và hoàn cảnh gia đình đang khó khăn không làm ra tiền để lo cho 3 đứa con ăn học. Nếu chính quyền địa phương cho phép, tôi xin cam kết nếu nhà nước có giải tỏa hay mở đường mà đụng đến quán hiện nay tôi đang xây dựng thì tôi tự tháo dỡ." Như vậy, ông Huỳnh M2 đã nhận thức được hành vi vi phạm hành chính do mình thực hiện và đã tự nguyện chấp hành hình thức xử phạt; cam kết tự tháo dỡ khi có giải tỏa hoặc mở đường.

+ *Về quá trình thu hồi đất:* Ngày 16/7/2020, UBND huyện N ban hành Thông báo số 167/TB-UBND về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi cùng Kỳ H và sân bay C đoạn qua thị trấn N (đợt A).Ngày 13/7/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số 14827/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để xây dựng đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C đoạn qua thị trấn N, huyện N, theo đó hộ ông Huỳnh M2 bị thu hồi diện tích 418,4m2, trong đó loại đất ở đô thị là 200m^2, loại đất trồng cây lâu năm là 218,4m^2, tại thửa đất số 16 (toàn bộ thửa đất), tờ bản đồ số 04-2020.

Ngày 23/7/2020,UBND huyện N ban hành Quyết định số 4240/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện giải phóng mặt bằng dự án đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C đoạn qua thị trấn N, huyện N, theo đó giá đất ở cụ thể tuyến đường Q (từ giáp Quốc lộ A đến giáp cầu T) là 7.200.000 đồng/m2; giá đất trồng cây lâu năm(vị trí 1) là 46.000 đồng/m^2.

+ *Về kết quả đo đạc xác định diện tích xây dựng nhà ở và các công trình phục vụ đời sống.*

Ngày 10/9/2021, Phòng T phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND thị trấn N tổ chức kiểm tra hiện trạng để xác định diện tích xây dựng nhà ở và các công trình phục vụ đời sống của Hộ ông Huỳnh M2 tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 04-2020, kết quả như sau: Tổng diện tích công trình xây dựng trên đất (nhà ở, mái che hiên, nền sân,...) là 373,83m^2, trong đó diện tích mái che là 140,28m^2, diện tích cụm nhà vệ sinh, bếp, phòng ngủ là 60,10m^2, diện tích nhà ở là 145,85m^2, diện tích mái hiên là 14,65m^2 và diện tích sân tráng xi măng là 12,95m^2.

+*Về tài sản, vật kiến trúc ông* Huỳnh P *và bà* Nguyễn Thị L *cầu bồi thường*:

Ngày 25/11/2020, Hội đồng tư vấn thị trấn N họp xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng tài sản trên đất của các hộ dân bị ảnh hưởng dự án được trục chính từ KCN T đi cảng K và sân bay C đoạn qua thị trấn N. Danh sách kèm theo Biên bản họp Hội đồng tư vấn nêu trên thể hiện, ông Huỳnh P có các công trình bị ảnh hưởng như nhà ở, nhà quán 1, nhà quán 2 trên thửa đất số 16, tờ bản đồ số 04-2020 của hộ ông Huỳnh M2, thời điểm xây dựng là năm 2013, công trình này đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 13/QĐ-XPVPHC ngày 08/10/2013 của Chủ tịch UBND thị trấn N. Ngày 28/9/2021 và ngày 29/9/2022, Phòng T làm việc với UBND thị trấn N để xác định phần diện tích hộ

ông Huỳnh M2 đang sử dụng đã bị xử phạt vi phạm hành chính năm 2013 về hành vi sử dụng đất không đúng mục đích tại thửa đất số 14, 15, tờ bản đồ số 04 theo hồ sơ 60/CP (theo hồ sơ chỉnh lý là thửa đất số 16, tờ bản đồ số 04-2020) tại khối B, thị trấn N. Theo đó, UBND thị trấn N xác định: Trong tổng diện tích 200,38m^2 hiện nay hộ ông Huỳnh M2 đang sử dụng để làm mái che (140,28m^2) và cụm nhà về sinh, bếp, phòng ngủ (60,10m^2) thì có 180,4m^2 đã bị xử phạt vi phạm hành chính năm 2013 về hành vi sử dụng đất không đúng mục đích theo Biên bản vi phạm hành chính số 88/BB-VPHC ngày 07/10/2013 và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13/QĐ-XPVPHC ngày 08/10/2013 nêu trên; phần diện tích còn lại là 19,98m^2 (200,38m^2 - 180,4m^2) hộ ông Huỳnh M2 xây dựng sau năm 2013 nhằm mục đích phục vụ cho công trình đã bị xử phạt vi phạm hành chính và nằm trong thửa đất số 15, tờ bản đồ số 04, loại đất ao tôm theo hồ sơ 60/CP nên diện tích này cũng sử dụng không đúng mục đích. Phần diện tích xây dựng 19,98m^2 giáp với đường Q (phía ngoài liền kề với với phần quán đã bị xử phạt vi phạm hành chính). Nên đây là tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật.

+ Về quá trình bồi thường, hỗ trợ:

Ngày 03/8/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số 15860/QĐ-UBND theo đó bồi thường, hỗ trợ cho ông Huỳnh P và bà Nguyễn Thị L với số tiền là 24.100.000 đồng, trong đó bồi thường về đất là 0 đồng; bồi thường về nhà ở, vật kiến trúc là 0 đồng; bồi thường về cây cối, hoa màu là 0 đồng; bồi thường chi phí di chuyển tài sản là 0 đồng; hỗ trợ tiền thuê nhà là 9.600.000 đồng; hỗ trợ ổn định đời sống là 13.500.000; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp là 0 đồng và hỗ trợ chi phí, thủ tục tại nơi ở mới là 1.000.000 đồng.

+ Về quá trình phê duyệt giá đất tái định cư:

Ngày 10/5/2021, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 1223/QĐ-UBND về việc phê duyệt lại giá đất tái định cư (09 lô) thuộc dự án Khu tái định cư T II (giai đoạn 1) tại thị trấn N, huyện N. Theo đó các lô đất số A10-37, A10-51B, A10-51C, A10-5I1D và A10-53 (đường quy hoạch 22,5m) được phê duyệt lại với giá 7.250.000 đồng/m^2.

+ Về quá trình bố trí tái định cư:

Ông Huỳnh M2 và bà Trần Thị C được UBND huyện N bố trí lô đất tái định cư số A10-37 (lô thứ 1), Khu tái định cư T II (giai đoạn 1) tại thị trấn N, huyện N với diện tích 175m^2; số tiền sử dụng đất ông Huỳnh M2 và bà Trần Thị C được hỗ trợ là 8.750.000 đồng (175m^2 x 50.000 đồng/m^2); số tiền sử dụng đất ông Huỳnh M2 và bà Trần Thị C phải nộp để được giao nhận đất làm nhà ở tái định cư và cấp Giấy chứng nhận QSD đất là: 1.260.000.000 đồng (theo Quyết định số 15857/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND huyện N).

Ông Huỳnh P (con trai ông Huỳnh M2 và bà Trần Thị C) được UBND huyện N bố trí lô đất tái định cư số A10-51B (lô thứ 2), Khu tái định cư T II (giai đoạn 1) tại thị trấn N, huyện N với diện tích 125m^2, số tiền sử dụng đất ông Huỳnh P được hỗ trợ là 1.250.000 đồng (25m^2 x 50.000 đồng/m^2), số tiền sử dụng đất ông Huỳnh P phải nộp để được giao nhận đất làm nhà ở tái định cư và cấp Giấy chứng nhận QSD đất là: 905.000.000 đồng (theo Quyết định số 15860/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND huyện N).

Bà Huỳnh Thị Kim T2 (con gái ông Huỳnh M2 và bà Trần Thị C) được bố trí lô đất tái định cư số A10-51C (lô thứ 3), Khu tái định cư T4 (giai đoạn 1) tại thị trấn N, huyện N với diện tích 125m^2; số tiền sử dụng đất bà Huỳnh Thị Kim T2 được hỗ trợ là 0 đồng, số tiền sử dụng đất bà Huỳnh Thị Kim T2 phải nộp để được giao nhận đất làm nhà ở tái định cư và cấp Giấy chứng nhận QSD đất là 906.250.000 đồng (theo Quyết định số 15859/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND huyện N).

Như vậy, hộ ông Huỳnh M2 được UBND huyện N bố trí 03 lô đất tái định cư (bố trí cho 03 cặp vợ chồng thực tế cũng chung sống trên thừa đất ở bị thu hồi); diện tích đất ở bị thu hồi (200m^2) nhỏ hơn diện tích đất bố trí tái định cư (425m^2) và UBND huyện N đã tính hỗ trợ phần chênh lệch giữa giá đất tái định cư và giá đất bồi thường tương ứng với diện tích đất ở bị thu hồi cho hộ ông Huỳnh M2 và ông Huỳnh P.

Từ những cơ sở trên UBND huyện N thấy:

Đối với nội dung yêu cầu bồi thường về nhà ở, công trình, vật kiến trúc với tỷ lệ 100% theo giá thị trường:

Ông Huỳnh P và bà Nguyễn Thị L có các công trình bị ảnh hưởng như nhà ở, nhà quán A, nhà quán 2 nằm trên thửa đất số 16, tờ bản đồ số 04-2020 của hộ ông Huỳnh M2, thời điểm xây dựng là năm 2013, công trình này đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 13/QĐ-XPVPHC ngày 08/10/2013 của Chủ tịch UBND thị trấn N. Do đó, đây là tài sản gắn liền với đất được tạo lập tại trái quy định của pháp luật. Tại khoản 2 Điều 35 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Q Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam quy định: *"Điều 35. Trường hợp, Nhà nước thu hồi đất không được bôi thường tài sản gắn liền với đất. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền".* Căn cứ quy định nêu trên thì các công trình bị ảnh hưởng của ông Huỳnh P và bà Nguyễn Thị L nằm trên thửa đất số 16, tới bản đồ số 04-2020 của hộ ông Huỳnh M2 không đủ điều kiện để được bồi thường. Đối với tài sản khác của ông Huỳnh P và bà Nguyễn Thị L xây dựng trên phần diện tích còn lại là 19,98m^2 (200,38m^2 – 180,4m^2) hộ ông Huỳnh M2 xây dựng sau năm 2013 để mục đích phục vụ cho công trình đã bị xử phạt vi phạm hành chính và nằm trong thửa đất số 15, tờ bản đồ số 04, loại đất ao tôm theo hồ sơ 60/CP nên phần tài sản này của ông P và bà L được tạo lập trái quy định của pháp luật. Nên việc ông P và bà L yêu cầu UBND huyện N bồi thường về nhà ở, công trình, vật kiến trúc cho ông bà là không có cơ sở.

Đối với nội dung yêu cầu bồi thường chi phí di chuyển tài sản:

Ông Huỳnh P và bà Nguyễn Thị L có các công trình bị ảnh hưởng như nhà ở, nhà quận A, nhà quán 2 nằm trên thửa đất số 16, tờ bản đồ số 04-2020 của hộ ông Huỳnh M2 nhưng không được bồi thường do đây là tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật nên không đủ điều kiện để bồi thường chi phí di chuyển tài sản theo quy định tại khoản 13 Điều 2 Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của UBND tỉnh Q về sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi

đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 và Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của UBND tỉnh. Việc bà Nguyễn Thị L yêu cầu bồi thường chi phí di chuyển tài sản là không có cơ sở.

Đối với nội dung yêu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp: Hộ ông Huỳnh M2 (cha của ông Huỳnh P và bà Nguyễn Thị L) bị thu hồi đất trồng cây lâu năm với diện tích 218,4m^2; giá đất trồng cây lâu năm là 46.000 đồng/m^2, do đó UBND huyện N đã hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho hộ ông Huỳnh M2 với số tiền 20.092.800 đồng (218,4m^2 x 46.000 đồng/m x 2 lần) theo quy định tại khoản 9 Điều 2 Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của UBND tỉnh Q. Việc bà L, ông P yêu cầu UBND huyện hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho ông, bà là không có cơ sở.

Đối với nội dung yêu cầu xem xét lại giá hỗ trợ tiền thuê nhà, hỗ trợ ổn định đời sống và chi phí thủ tục tại nơi ở mới:

UBND huyện N hỗ trợ tiền thuê nhà với số tiền 9.600.000 đồng, hỗ trợ tiền thuê nhà: 9.600.000 đồng; hỗ trợ ổn định đời sống: 13.500.000 đồng; hỗ trợ chi phí thủ tục tại nơi ở mới: 1.000.000 đồng cho ông Huỳnh P và bà Nguyễn Thị L là đúng theo quy định tại Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 và Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của UBND tỉnh Q. Việc bà Nguyễn Thị L yêu cầu UBND huyện N xem xét lại giá hỗ trợ tiền thuê nhà, hỗ trợ ổn định đời sống và chi phí thủ tục tại nơi ở mới là không có cơ sở.

Đối với nội dung nộp tiền sử dụng đất tái định cư: Ông Huỳnh P và bà Nguyễn Thị L là cặp vợ chồng thứ hai thực tế cùng chung sống trên thửa đất ở bị thu hồi của ông Huỳnh M2 và bà Trần Thị C nên thuộc trường hợp được bố trí tái định cư theo quy định tại điểm a khoản 3 và khoản 6 Điều 11a Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Q được bổ sung tại khoản 4 Điều 2 Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của UBND tỉnh Q. Diện tích đất ở bị thu hồi của ông Huỳnh M2 và bà Trần Thị C 200m^2 là nhỏ hơn so với tổng diện tích đất bố trí tái định cư 425m^2 và UBND huyện N đã tính hỗ trợ phần chênh lệch giữa giá đất tái định cư và giá đất bồi thường tương ứng với diện tích đất ở bị thu hồi cho hộ ông Huỳnh M2 8.750.000 đồng và ông Huỳnh P 1.250.000 đồng.

Do đó, phần giá trị của đất tái định cư còn lại ông Huỳnh P và bà Nguyễn Thị L phải nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo giá đất tái định cư (125m^2 x 7.250.000 đồng/m^2 x 1,0 - 1.250.000 đồng - 905.000.000 đồng) là đúng theo quy định tại khoản 17 Điều 2 Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của UBND tỉnh Q. Việc bà Nguyễn Thị L yêu cầu bố trí tái định cư nhưng không phải nộp tiền sử dụng đất tái định cư và hỗ trợ chênh lệch tiền sử dụng đất tại khu tái định cư là không có cơ sở.

Về các khoản hỗ trợ cho ông P *và bà* L *:*

Điều 27 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Q, chỉ hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất. Trường hợp của hộ ông P và bà L không bị thu hồi đất. Các vật kiến trúc trên đất của hộ ông P và bà L xây dựng trên thửa đất 16, thuộc mảnh chỉnh lý bản trích lục bản đồ địa chính số 04-2020 của hộ ông Huỳnh M2. Đối tượng hỗ trợ các

khoản này là hộ ông Huỳnh M2 nếu có đủ căn cứ. Hơn nữa toàn bộ diện tích xây dựng 109,52m^2 của ông P và bà T3 là tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật. Nên việc UBND huyên N không hỗ trợ cho ông P và bà L các khoản: Hỗ trợ đối với gia đình chính sách số tiền; khen thưởng chấp hành chủ trương ban giao mặt bằng; bồi thường chi phí di chuyển tài sản; bồi thường về nhà và vật kiến trúc là đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh M2 *và bà* Trần Thị C *thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà* T3.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 124/2022/HC-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 2, 3 Điều 116, Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính năm 2015; Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Luật khiếu nại năm 2011; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh P và bà Nguyễn Thị L về yêu cầu Hủy Quyết định số 15860/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho ông Huỳnh P và bà Nguyễn Thị L; Quyết định số 22032/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L; Buộc UBND huyện N ban hành lại quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho gia đình ông Huỳnh P, bà Nguyễn Thị L.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định.

Trong thời hạn luật định, ngày 06/10/2023 người khởi kiện là ông Huỳnh P và bà Nguyễn Thị L kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện ông Huỳnh P và bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện của ông Huỳnh P và bà Nguyễn Thị L là Nguyễn Thị Bích D đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện hủy Quyết định số 15860/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho ông Huỳnh P và bà Nguyễn Thị L; Quyết định số 22032/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L; buộc UBND huyện N ban hành lại quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho gia đình ông Huỳnh P, bà Nguyễn Thị L. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nêu quan điểm giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh P và bà Nguyễn Thị L và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến trình bày của các bên đương sự và kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Các Quyết định số 15860/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND huyện N và Quyết định số 22032/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện N đã được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[1.1] Đối với việc bồi thường tài sản trên đất bị thu hồi và các khoản hỗ trợ cho ông P, bà L thì thấy:

Hộ gia đình ông Huỳnh P và bà Nguyễn Thị L không bị thu hồi đất ở, hoặc thu hồi đất có nhà ở. Đối tượng bị thu hồi đất ở, hoặc thu hồi đất có nhà ở là hộ ông Huỳnh M2 và bà Trần Thị C. Căn cứ Quyết định số 14827/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của UBND huyện N về việc thu hồi đất để xây dựng đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C đoạn qua thị trấn N, huyện N thấy nội dung có thể hiện về việc hộ ông Huỳnh M2 bị thu hồi diện tích 418,4m^2, trong đó loại đất ở đô thị là 200m^2, loại đất trồng cây lâu năm là 218,4 m^2, tại thửa đất số 16 (toàn bộ thửa đất), tờ bản đồ số 04-2020.

Ngày 10/9/2021, Phòng T phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND thị trấn N tổ chức kiểm tra hiện trạng để xác định diện tích xây dựng nhà ở và các công trình phục vụ đời sống của hộ ông Huỳnh M2 tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 04-2020, xác định tổng diện tích công trình xây dựng trên đất (nhà ở, mái che, hiên, nền sân...) là 373,83m^2 trong đó diện tích mái che là 140,28m^2, diện tích cụm nhà vệ sinh, bếp, phòng ngủ là 60,10m^2, diện tích nhà ở là 145,85m^2, diện tích mái hiện là 14,65m^2 và diện tích sân tráng xi măng là 12,95m^2. Trong phần diện tích 200,38m^2 *(gồm diện tích sử dụng để làm mái che 140,28m^2 và cụm nhà vệ sinh, bếp, phòng ngủ là 60,10m^2)* thì có xây dựng 109,52m^2 được xác định là tài sản của ông P bà L (tài sản này vợ chồng ông M2 đã cho ông P bà L năm 2013). Phần diện tích 109,52m^2 gồm nhà quán 1 là 77,72m^2, nhà quán 2 là 24,8m^2 và nhà ở là 7m^2 được xác định nằm trong diện tích 180,4m^2 ông M2 đã xây dựng quán kinh doanh ăn uống trên đất nuôi trồng thuỷ sản năm 2013 đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng đất không đúng mục đích tại thửa đất số 14, 15 tờ bản đồ số 04 theo hồ sơ 60/CP và buộc khôi phục lại phần diện tích sử dụng không đúng mục đích theo Quyết định số 13/QĐ-XPVPHC ngày 08/10/2013 của Chủ tịch UBND thị trấn N và một phần trong diện tích còn lại là 19,98m^2 (200,38m^2 – 180,4m^2) hộ ông Huỳnh M2 xây dựng sau năm 2013 để mục đích phục vụ cho công trình đã bị xử phạt vi phạm hành chính và nằm trong thửa đất số 15, tờ bản đồ số 04, loại đất ao tôm theo hồ sơ 60/CP.

Sau khi nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính năm 2013, ông Huỳnh M2 đã nộp tiền phạt vào ngày 10/10/2013 và có cam kết "*nếu nhà nước có giải tỏa hay mở đường mà đụng đến quán hiện nay tôi đang xây dựng thì tôi tự tháo dỡ.".* Tại khoản 2 Điều 35 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014

của UBND tỉnh Q ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam quy định:

"Điều 35. Trường hợp, Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất….2. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật".

Vì vậy, có căn cứ xác định toàn bộ các công trình của ông P bà L bị ảnh hưởng 109,52m^2 nằm trong 180,4m^2 đã bị xử phạt hành chính và một phần được xây dựng sau năm 2013 gắn liền với công được tạo lập trái quy định của pháp luật đã bị xử phạt vi phạm hành chính và nằm trong thửa đất số 15, tờ bản đồ số 04, loại đất ao tôm theo hồ sơ 60/CP nên không đủ điều kiện để được bồi thường là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Đối với yêu cầu không nộp tiền sử dụng đất tái định cư và hỗ trợ chênh lệch tiền sử dụng đất tại khu tái định cư.

Ông Huỳnh P và bà Nguyễn Thị L là cặp vợ chồng thứ hai thực tế cùng chung sống trên thửa đất ở bị thu hồi của ông Huỳnh M2 và bà Trần Thị C nên thuộc trường hợp được bố trí tái định cư theo quy định tại điểm a khoản 3 và khoản 6 Điều 11a Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Q được bổ sung tại khoản 4 Điều 2 Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của UBND tỉnh Q. Diện tích đất ở bị thu hồi của ông Huỳnh M2 và bà Trần Thị C 200m^2 là nhỏ hơn tổng diện tích đất bố trí tái định cư *(425m^2 bao gồm 3 lô đất A10-37 cho ông* Huỳnh M2 *và bà* Trần Thị C *lô số A10-51B cho ông* Huỳnh P *và lô số A10-51C cho bà* Huỳnh Thị Kim T2*)* và UBND huyện N đã tỉnh hỗ trợ phần chênh lệch giữa giá đất tái định cư và giá đất bồi thường tương ứng với diện tích đất ở bị thu hồi cho hộ ông Huỳnh M2 8.750.000 đồng và ông Huỳnh P 1.250.000 đồng. Do đó, phần giá trị của đất tái định cư còn lại ông Huỳnh P và bà Nguyễn Thị L phải nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo giá đất tái định cư (125m^2 x 7.250.000 đồng/m^2 x 1,0 - 1.250.000 đồng - 905.000.000 đồng) là đúng theo quy định tại khoản 17 Điều 2 Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của UBND tỉnh Q. Vì vậy, yêu cầu của ông P và bà L yêu cầu UBND huyện N bố trí tái định cư nhưng không phải nộp tiền sử dụng đất tái định cư và hỗ trợ chênh lệch tiền sử dụng đất tại khu tái định cư là không có căn cứ chấp nhận.

[1.3] Đối với các khoản yêu cầu hỗ trợ.

Căn cứ Điều 27 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Q thì thấy nhà nước chỉ hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi bị thu hồi đất. Tuy nhiên, trường hợp của hộ ông P và bà L không bị thu hồi đất. Các vật kiến trúc trên đất của hộ ông P và bà L xây dựng trên thửa đất 16, thuộc mảnh chỉnh lý bản trích lục bản đồ địa chính số 04-2020 của hộ ông Huỳnh M2. Đối tượng hỗ trợ các khoản này là hộ ông Huỳnh M2. Mặt khác, toàn bộ diện tích xây dựng 109,52m^2 của ông P và bà T3 là tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật nên việc UBND huyên Núi Thành không hỗ trợ cho ông P và bà L các khoản: hỗ trợ đối với gia đình chính sách số tiền; khen thưởng chấp hành chủ trương bàn giao mặt bằng; bồi thường chi phí di chuyển tài sản; bồi thường về nhà và vật kiến trúc là đúng quy định của pháp luật.

[2] Từ những nhận định trên, xét thấy, Bản án sơ thẩm đã tuyên xử bác các yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh P và bà Nguyễn Thị L là đúng pháp luật. Tại phiên phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là đúng nên không có căn cứ chấp nhận; do đó Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Do người khởi kiện là ông Huỳnh P và bà Nguyễn Thị L bị bác kháng cáo nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật nhưng được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Huỳnh P và bà Nguyễn Thị L. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 124/2022/HC-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Buộc ông Huỳnh P và bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn)* đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000227 ngày 11/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, TL;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Ngọc Thái